

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2021/HSST

Ngày: 04/03/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Mai.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

2. Ông Vũ Mạnh Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà:
Ông Hồ Xuân Thắng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 04/03/2021, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/TLST - HS, ngày 01 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thanh L, tên gọi khác: B; sinh năm: 1977, tại huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Tin Lành; Con ông Nguyễn Văn Y (đã chết) và bà Đặng Thị H, sinh năm: 1943; Bị cáo có chồng Võ Văn S, sinh năm: 1970 và có 02 con, con lớn nhất 26 tuổi, con nhỏ nhất 24 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Ngày 26/11/2020 bị

áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Trương Thị Hồng D, sinh năm: 1978, tại huyện P, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Tổ 2A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Con Trương Văn Đ (đã chết) và bà Bùi Thị C, sinh năm: 1952; Bị cáo chưa có chồng. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974, tại Huyện Y, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 1A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Huy T (đã chết) và con bà Lê Thị T, sinh năm: 1947; Bị cáo có chồng Bùi Văn Đ, sinh năm: 1972 (đã ly hôn) và có 01 con, 29 tuổi; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1983, tại huyện B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Thôn 2, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Thái S (đã chết); Con bà Trần Thị T (đã chết); Bị cáo có chồng Đinh R, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 04 con, con lớn nhất, 13 tuổi, con nhỏ nhất 6 tuổi; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Trần Thị G, sinh năm 1976, tại K – Gia Lai; Nơi cư trú: Nơi cư trú: Tổ 3A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 1/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Trần T, sinh năm: 1944 và con bà Lại Thị L, sinh năm 1950; Bị cáo có chồng Lê Đức T, sinh năm: 1977 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1980 tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khối T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Tổ 2B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Nguyễn C, sinh năm: 1957 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960; Bị cáo có chồng Hồ H, sinh năm 1976 và có 02 con, con lớn nhất 15 tuổi, con nhỏ nhất 7 tuổi; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 38 phút ngày 25/8/2020, Nguyễn Thị Thanh L sử dụng số điện thoại 0946745759 gọi điện đến số điện thoại 0947680608 rủ Nguyễn Thị H đến nhà của L tại tổ 2B, thị trấn K, huyện K ăn cơm, chơi bài thì H đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H đi đến nhà L thấy có đông người đang tập trung tại ngôi nhà bỏ hoang gần nhà L nên H đi đến xem, thấy L và một số người đang đánh bạc nên H sử dụng số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) mang theo vào và cùng tham gia đánh bạc, H bỏ lên chiếu bạc số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) để đánh bạc, số tiền 1.800.000đ còn lại H cất trong túi áo khoác. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Trần Thị G, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Thu N đến cùng tham gia đánh bạc với số tiền của từng người là: G 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng), D 7.390.000đ (Bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), D lấy ra 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để đánh bạc, Đ 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng), N 820.000đ (Tám trăm hai mươi nghìn đồng). Các đối tượng đánh bạc theo hình thức chơi bài xì lát, đặt cược mỗi ván số tiền từ 30.000đ (Ba mươi ngàn đồng) đến 50.000đ (Năm mươi ngàn đồng) và thống nhất mỗi người cầm cái 03 ván bài, khi đến lượt nhưng không có tiền cầm cái thì người này có thể chuyển cái lại cho người kế tiếp. Khi L, H, G, D Đ, N và một số đối tượng chưa rõ nhân thân lý lịch đánh bạc đến 16 giờ cùng

ngày thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 10.220.000đ (Mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng); thu giữ trên người D số tiền 6.890.000đ (Sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), thu giữ trên người H số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) cùng các công cụ sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình bắt quả tang Nguyễn Thị Thanh L cùng một số đối tượng (hiện không rõ nhân thân, lý lịch) đã chạy thoát, đến ngày 16/9/2020 L ra đầu thú và khai nhận đã sử dụng số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc.

Vật chứng thu giữ: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 18.910.000đ (Mười tám triệu chín trăm mười nghìn đồng). Trong đó: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 10.220.000đ (Mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), thu giữ trên người D số tiền 6.890.000đ (Sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng), thu giữ trên người H số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Dụng cụ đánh bạc gồm: 01 (một) chiếu cói màu vàng nâu kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu xanh kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu đỏ kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chăn vải viền màu đỏ có hoa văn màu vàng ở giữa kích thước 1,8 x 02m; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá (đã qua sử dụng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy S7, màu vàng hồng cùng sim điện thoại số “0947.680.608”.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vell – com cùng sim điện thoại số 0946745759.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime cùng sim điện thoại số 0359.221.286.

Cáo trạng số: 09/CT – VKS ngày 28 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị Hồng Đ, Nguyễn Thị Thu N và Nguyễn Thị Thanh L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N thừa

nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên toà sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng số: 09/CT – VKS ngày 28 tháng 01 năm 2021. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trương Thị Hồng D từ 13 đến 16 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 26 đến 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Đ từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt bị cáo Trần Thị G từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điều 36 của Bộ luật Hình sự.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu N từ 16 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến ngày 03/9/2020 là 9 ngày, bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điều 36 của Bộ luật Hình sự.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tuyên tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 18.910.000đ (Mười tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), trong đó: Tiền thu trên chiếu bạc 10.220.000đđ và số tiền thu trên người D 6.890.000đ, thu trên người H số tiền 1.800.000đ, đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Số tiền này Cơ quan cảnh sát điều tra Công huyện Ea Kar đã nộp vào sổ tài khoản 39490105362900000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo giấy nộp tiền ngày 23/9/2020.

+ Tuyên tịch thu xung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy S7, màu vàng hồng cùng sim điện thoại số “0947.680.608” của Nguyễn Thị H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vell – com cùng sim điện thoại số 0946745759 của Nguyễn Thị Thanh L, là phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu cói màu vàng nâu kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu xanh kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu đỏ kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chăn vải viền màu đỏ có hoa văn màu vàng ở giữa kích thước 1,8 x 02m; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá (đã qua sử dụng).

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime cùng sim điện thoại số 0359.221.286 của Nguyễn Thị Thanh L không sử dụng vào việc đánh bạc nên tuyên trả lại cho Nguyễn Thị Thanh L là chủ sở hữu.

Trong quá trình đánh bạc có một số đối tượng có mặt cùng tham gia đánh bạc khi Công an huyện Ea Kar tiến hành bắt bắt quả tang đã chạy thoát, nhưng đến nay chưa có tài liệu xác định nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã ra quyết định tách vụ án số 01 để tiếp tục điều tra, truy xét và làm rõ vai trò của các đối tượng để xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N không có ý kiến tranh

luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý xác định: Với mục đích nhằm thu lợi bất chính nên vào ngày 25/8/2020 các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị H, Trương Thị Hồng D, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền và bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang với tổng số tiền 18.910.000 đồng, trong đó số tiền thu trên chiếu bạc số tiền 10.220.000 đồng và thu giữ trên người các bị cáo dùng để đánh bạc số tiền 8.690.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, các bị cáo thực hiện hành vi bởi lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị

Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác.

Xét về ý thức: Các bị cáo là những người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo nhận thức được mọi hành vi đánh bạc trái phép đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Tuy nhiên xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xì lát thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng. Số tiền các bị cáo mang theo dùng vào việc đánh bạc thu trên chiếc bạc và thu trên người các bị cáo tổng cộng là 18.190.000đ. Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo. Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng cần đánh giá vai trò và nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị Hồng Đ: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ dùng số tiền để tham gia đánh bạc ít hơn so với bị cáo Trương Thị Hồng D. Bị cáo G sử dụng số tiền 800.000 đồng, bị cáo D sử dụng số tiền 7.390.000 đồng, bị cáo Đ sử dụng số tiền 3.400.000 đồng và bị cáo H sử dụng số tiền 3.000.000 đồng. Tuy nhiên xét về

nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên HĐXX căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thu N: Số tiền các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác; Các bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; Bị cáo N là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo là người có công cách mạng chú ruột bị cáo là liệt sĩ Nguyễn N; Ngày 09/10/2008 bị cáo L bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (đã được xóa án tích), đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật của nhà nước, hiện đang nuôi con gái Võ Thị Thu T bị bệnh tâm thần và cháu ngoại Phan Hữu Ng, sinh năm 2019 (con của chị T) được chính quyền địa phương xác nhận, sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyệt.

Xét thấy các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, trước khi phạm tội các bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật của nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và ngăn ngừa chung, Vì vậy, HĐXX áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thu N là phù hợp.

Xét mức thu nhập: Các bị cáo đều khó khăn về kinh tế, làm nông không có thu nhập ổn định. Bị cáo L còn phải nuôi con gái bị bệnh tâm thần và cháu ngoại còn nhỏ nên HĐXX miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[3] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tuyên tịch thu xung công quỹ nhà nước số tiền 18.910.000đ (Mười tám triệu chín trăm mười nghìn đồng) là số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Số tiền này Cơ quan cảnh sát điều tra Công huyện Ea Kar đã nộp vào số tài khoản 39490105362900000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo giấy nộp tiền ngày 23/9/2020.

+ Tuyên tịch thu xung công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy S7, màu vàng hồng cùng sim điện thoại số “0947.680.608” của Nguyễn Thị H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vell – com cùng sim điện thoại số 0946745759 của Nguyễn Thị Thanh L, là phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu cói màu vàng nâu kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu xanh kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu đỏ kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chăn vải viền màu đỏ có hoa văn màu vàng ở giữa kích thước 1,8 x 02m; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá (đã qua sử dụng).

[4] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime cùng sim có số thuê bao 0359.221.286 của Nguyễn Thị Thanh L. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo L xác nhận không dùng chiếc điện thoại trên

vào mục đích đánh bạc nên HĐXX tuyên trả lại chiếc điện thoại trên cho Nguyễn Thị Thanh L là chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[5] Đối với căn nhà nơi các bị cáo đánh bạc là ngôi nhà được bỏ hoang không có người ở và trông coi. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo xác định việc các bị cáo đánh bạc trong ngôi nhà này không ai biết và cũng không biết chủ của căn nhà là ai, vì vậy Cơ quan Công an không xử lý đối với ngôi nhà trên là phù hợp.

[6] Trong quá trình đánh bạc có một số đối tượng có mặt cùng tham gia đánh bạc khi Công an huyện Ea Kar tiến hành bắt quả tang đã chạy thoát, nhưng đến nay chưa có tài liệu xác định nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã ra quyết định tách vụ án số 01/QĐ ngày 31/12/2020 để tiếp tục điều tra, làm rõ vai trò của các đối tượng để xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[7] Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N phạm tội “Đánh bạc”. Phân trách nhiệm hình sự; phân xử lý vật chứng là có căn cứ đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trương Thị Hồng D từ 01(Một) năm 01 (Một) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai năm) 02 (Hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng Đ 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt bị cáo Trần Thị G 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị G và bị cáo Trương Thị Hồng D cho UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng Đ và bị cáo Nguyễn Thị H cho UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điều 36 của Bộ luật Hình sự.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu N 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/8/2020 đến

ngày 03/9/2020 là 9 ngày, bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và điều 36 của Bộ luật Hình sự.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 01 (Một) năm 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L và Nguyễn Thị Thu N được miễn khấu trừ thu nhập. Giao các bị cáo cho UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục người bị kết án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn K trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người bị cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh là 18.910.000đ (Mười tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), số tiền này Cơ quan cảnh sát điều tra Công huyện Ea Kar đã nộp vào số tài khoản 39490105362900000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo giấy nộp tiền ngày 23/9/2020.

+ Tịch thu xung công quỹ nhà nước: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model Galaxy S7, màu vàng hồng cùng sim điện thoại số

“0947.680.608” của Nguyễn Thị H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vell – com cùng sim điện thoại số 0946745759 của Nguyễn Thị Thanh L, là phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếu cói màu vàng nâu kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu xanh kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chiếu nhựa màu đỏ kích thước 1,6 x 02m; 01 (một) chăn vải viền màu đỏ có hoa văn màu vàng ở giữa kích thước 1,8 x 02m; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 lá (đã qua sử dụng).

Trả lại cho Nguyễn Thị Thanh L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2 Prime cùng sim có số thuê bao 0359.221.286 là chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị Hà, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Trương Thị Hồng D, Nguyễn Thị H, Trần Thị G, Nguyễn Thị Hồng Đ và Nguyễn Thị Thu N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Công an huyện E;
- UBND Xã C;
- UBND TT E;
- Bị cáo;
- Lưu: H sơ vụ án, V.P

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai